

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 6 năm 2025

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thanh Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Anh T** – sinh năm: 19xx.

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh B. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Lưu Văn P** – sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: K177/H30/06 đường N, tổ 6 phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án như sau:

* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/02/2025, Bản khai và xin vắng mặt ghi ngày 03/4/2025, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Anh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Lưu Văn P đăng ký kết hôn năm 20xx tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn

số 70/20 ngày 25/7/20xx), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không chung sống từ tháng 7/2022 đến nay. Bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, Bà yêu cầu Toà án giải quyết cho Bà được ly hôn ông P.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Anh T xác định bà và ông Lưu Văn P không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Anh T xác định Bà và ông Lưu Văn P không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Anh T xác định Bà và ông Lưu Văn P không có nợ chung.

* Tại bản tự khai ghi ngày 11/4/2025, bị đơn là ông Lưu Văn P trình bày:

Ông Lưu Văn P và bà Nguyễn Thị Anh T kết hôn với nhau vào năm 20xx tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng vào thành phố Bạc Liêu làm ăn sinh sống đến năm 2023 thì vợ chồng xảy ra chuyện mâu thuẫn, cãi vã nhau và không còn thấy hợp nhau nữa nên ông P về Đà Nẵng sinh sống. Vì vậy ông P đề nghị Toà án giải quyết cho Ông và bà T ly hôn.

- Về con chung: Ông Lưu Văn P xác định ông và bà Nguyễn Thị Anh T không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông Lưu Văn P xác định ông và bà Nguyễn Thị Anh T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Lưu Văn P xác định ông và bà Nguyễn Thị Anh T không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Anh T đối với ông Lưu Văn P; Về con chung: Bà T và ông P đều xác định không có. Về tài sản chung, nợ chung: bà T và ông P đều xác định không có. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lưu Văn P có cư trú tại K177/H30/06 đường N, tổ 6 phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lưu Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Anh T và ông Lưu Văn P.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Lưu Văn P đăng ký kết hôn vào năm 20xx tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 79/20 ngày 25/7/20xx), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà ly hôn ông Lưu Văn P. Ông Lưu Văn P cũng xác định vợ chồng không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ông và bà T ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Anh T đối với ông Lưu Văn P, Hội đồng xét xử thấy:

Tại bản tự khai, bà T và ông P đều xác định giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân của bà T và ông P cũng sẽ không đạt được mục đích hôn nhân hạnh phúc, nên căn cứ các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Anh T đối với ông Lưu Văn P là phù hợp.

- Về con chung: Tại bản tự khai, bà Nguyễn Thị Anh T và ông Lưu Văn P đều xác định không có con chung. Hội đồng xét xử xác định Ông, Bà không có con chung.

- Về tài sản chung: Tại bản tự khai, bà Nguyễn Thị Anh T và ông Lưu Văn P đều xác định không có con chung. Hội đồng xét xử xác định không có tài sản chung.

- Về tài sản chung: Tại bản tự khai, bà Nguyễn Thị Anh T và ông Lưu Văn P đều xác định không có con chung. Hội đồng xét xử xác định không có nợ chung.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Anh T về việc: “*Ly hôn*” đối với ông Lưu Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn ông Lưu Văn P.

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình bà T đã nộp theo biên lai thu số 0007390 ngày 13 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- UBND phường T, Q. Thanh Khê,
- TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thanh Anh